TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/LĐ-ST
Ngày: 28/8/2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng lao động".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến - Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu – Cán bộ hưu trí, Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 89/2025/TLST-LĐ ngày 04/3/2025 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST -LĐ ngày 11/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; thường trú tại: Ấp T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (Nay là: Ấp T, xã Ó, tỉnh An Giang); địa chỉ liên lạc: 4 khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là: 4/449 khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; trụ sở: Số A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là: Số A, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; thường trú: 3 M, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là: 3 M, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là: Bảo hiểm xã hội Cơ sở L1); địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Trước đây bà L là công nhân Công ty TNHH J tại địa chỉ: M KCN V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nhưng đến tháng 7 năm 2024 đã nghỉ việc tại đây. Trong thời gian làm việc tại đây bà L có tham gia BHXH theo quy định, sổ BHXH số 9107200197, cấp lần 2 ngày 07/7/2020, tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/12/1988; số chứng minh nhân dân 351934877, căn cước công dân số 089188011455. Do bà L không làm nữa nên có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội một lần, tuy nhiên bà L được Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương thông báo thời gian tham gia BHXH từ 09 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 bị trùng, tức là bà L có ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S. Tuy nhiên, thực tế thời gian trên bà L không làm việc tại Công ty TNHH S. Lý do bị trùng là năm 2008 bà L có cho bà Nguyễn Thanh T mượn giấy Chứng minh nhân dân để làm hồ sơ xin việc và nộp vào Công ty TNHH S, sau đó công ty có làm thủ tục đóng BHXH vì thời điểm đó bà Nguyễn Thanh T chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động, do đó toàn bộ hồ sơ lao động của bà Nguyễn Thanh T tại Công ty TNHH S đều lấy tên là Nguyễn Thị L, thực tế người làm việc tại Công ty TNHH S là bà Nguyễn Thanh T, thời gian làm từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 5 năm 2009. Sau đó, bà Nguyễn Thanh T đủ tuổi nên đã ký lại hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và tham gia BHXH với đúng tên bà Nguyễn Thanh T, do thời gian đã lâu và bà T đã làm thất lạc Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S nên bà L không cung cấp được cho Tòa án. Thời gian bà Nguyễn Thanh T làm việc tại Công ty TNHH S chưa làm thủ tục hưởng BHXH 01 lần.

Bà L xác định do không hiểu biết về quy định của pháp luật đã đồng ý cho bà Nguyễn Thanh T sử dụng thông tin của mình như trên nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà L và bà Nguyễn Thanh T đều có lỗi trong sự việc này. Do đó bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu toà án giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thanh T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoảng thời gian làm từ tháng 09 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 là vô hiệu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Do không có thời gian tham gia tố tụng nên bà L yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do.

** Tại đơn trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh T trình bày:*

Bà T là em chồng của bà Nguyễn Thị L. Bà T xác định có giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 09 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 với tên Nguyễn Thị L do thời điểm này bà T không có chứng minh nhân dân nên đã mượn giấy Chứng minh nhân dân và các thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị L để nộp hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH S, sau đó công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà T theo quy định, được cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 7408268690, toàn bộ hồ sơ lao động và tham gia bảo hiểm xã hội đều đứng tên bà Nguyễn Thị L. Bà T không cung cấp được hợp đồng lao động vì đã thất lạc. Bà T nhận thấy việc ký kết hợp đồng lao động với Công ty như trên là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L, do đó đối với yêu cầu khởi kiện và toàn bộ lời trình bày của bà Nguyễn Thị L trong quá trình tố tụng bà T thống nhất, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Tại Công văn số 193/CV-BHXH ngày 24/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T (Nay là Bảo hiểm xã hội Cơ sở Lái Thiêu) xác định:*

Qua kiểm tra dữ liệu thông tin đối với người lao động tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 30/12/1988; số chứng minh nhân dân 351934877, căn cước công dân số 089188011455 có 02 mã số Bảo hiểm xã hội, bao gồm:

Mã số mã số Bảo hiểm xã hội 7408268690 tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH S từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 5 năm 2009.

Mã số mã số Bảo hiểm xã hội 9107200197 tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH J từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 7 năm 2024, mã số bảo hiểm này người lao động đã bảo lưu sổ, đã nhận trợ cấp thất nghiệp, chưa nhận BHXH 01 lần.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T (Nay là Bảo hiểm xã hội Cơ sở L1) đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 122, 132, 137 của Bộ luật dân sự 2005; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc

tranh chấp hợp đồng lao động, tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH S trong thời gian từ tháng 09 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết *"Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị L với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoảng thời gian làm từ tháng 09 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 là vô hiệu"*.

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo địa chỉ bị đơn do nguyên đơn cung cấp trong quá trình tố tụng, đồng thời tại Công văn số 918/ĐKKD ngày 24/6/2025 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở tài chính tỉnh B cung cấp thông tin liên quan đến Công ty TNHH S và tại Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) có cơ sở xác định bị đơn Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở tại Số A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là: Số A, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vắng mặt lần thứ hai đối với việc xét xử, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị L đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thanh T dùng thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị L để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và làm việc tại đây từ tháng 09 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009, được công ty tham gia BHXH thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số: 7408268690. Tuy nhiên, thực tế bà Nguyễn Thị L cũng giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH J từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 7 năm 2024 và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 9107200197.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin cung cấp từ cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố T (Nay là Bảo hiểm xã hội Cơ sở L1) có cơ sở xác định: Việc bà Nguyễn Thanh T sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của bà

Nguyễn Thị L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động được quy định tại Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin trước khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2012 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thanh T là người ký) và Công ty TNHH S thời gian từ tháng 09 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[5] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu gì khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Công ty TNHH S không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012.

- Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc Tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH S.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH S trong thời gian từ tháng 09 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị L theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000816 ngày 25/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận

An, tỉnh Bình Dương (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh